

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23/12/2021

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Mai Ka

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Phước

Ông Lê Minh Toàn

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 126/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà **Võ Kim B**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số 353, tổ 16, ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

***- Bị đơn:*** Ông **Lê Ngọc Phượng L**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 23/7 ấp C, xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**-** Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2021 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Võ Kim B trình bày:

Bà B và ông Lê Ngọc Phượng L quen biết nhau từ năm 1999 và tiến đến hôn nhân, làm lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được UBND xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 102, ngày 17/03/2003.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, tính tình không hòa hợp được nên hai người rất ít quan tâm chăm sóc nhau. Bản thân bà B đã khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình cùng lo cho con nhỏ nhưng không được. Bà B và ông L đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay, hiện nay bà B đang thuê nhà trọ sống một mình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Ngọc Phượng L.

Về con chung: Bà B và ông L có 01 con chung là em Lê Quang L, sinh ngày 03/10/2003 đến nay đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2021 bị đơn ông Lê Ngọc Phượng L trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông L đồng ý ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông L và bà B có 01 con chung là em Lê Quang L, sinh ngày 03/10/2003 đến nay đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông L xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm do bận công việc.

- Tại phiên tòa, bà Võ Kim B trình bày bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Lê Ngọc Phượng L vắng mặt tại phiên xét xử.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng hôn nhân đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thủ tục giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 197 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử: đúng quy định theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Võ Kim B: Cho bà B được ly hôn với ông Lê Ngọc Phượng L.

Về con chung: không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Võ Kim B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Ngọc Phượng L có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Kim B và ông Lê Ngọc Phượng L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 102 ngày 17/03/2003 tại UBND xã D, huyện Long Hồ nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của bà B: Bà B trình bày trong thời gian chung sống bà và ông L xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, tính tình không hòa hợp nên hai người rất ít quan tâm chăm sóc nhau. Bà B đã cố gắng hàn gắn nhưng vợ chồng không còn chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Hai người đã ly thân từ năm 2007 đến nay. Ông L cũng có lời khai đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B (BL số 38). Điều này thể hiện bà B và ông L đã không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn gia đình đã phát sinh trầm trọng, hai người đã không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng nên bà B yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà B và ông L xác định ông bà có 01 con chung là em Lê Quang L, sinh ngày 03/10/2003 đến nay đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B và ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Võ Kim B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim B.

**1.** Về hôn nhân: Bà Võ Kim B được ly hôn với ông Lê Ngọc Phượng L.

**2.** Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Kim B và ông Lê Ngọc Phượng L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

**4.** Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Võ Kim B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006793 ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Bà B đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đường sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã D: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Mai Ka**